

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp Nhơn A, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Trần Minh T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: ông T và bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2] Về con chung: ông T và bà T khai không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: ông T và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: ông T và bà T khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: ông T và bà T thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ

không thành (ngày 08/7/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T khai không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T khai không có nên không xem xét.

**2. Về lệ phí:** lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Trần Minh T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: XYZ ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Huỳnh Thị Thanh Như**